TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 26-7-2024.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ái Hòa;

Ông Trần Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1997 – Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố A B, phường A T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1995 – Vắng mặt.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Thôn M N, xã H K, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ tạm trú: Khu phố A B, phường A T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như H trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2020, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường A T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ chị H tại khu phố A B, phường A T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Từ khi chung sống chị mới phát hiện anh T thường chơi cờ bạc thiếu nợ, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh T

vẫn không thay đổi. Đến tháng 5-2022, trong lúc con bị Covid, anh T không phụ giúp chị chăm sóc con mà còn đi chơi cờ bạc nên chị quyết định ly thân với anh T. Anh T dọn ra ngoài sống và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh T không ai đặt vấn đề đoàn tụ, anh T chỉ phụ chị chi phí nuôi con được 05 tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng thì ngưng đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Xuân T1, sinh ngày 11-5-2021, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cho chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh Trần Xuân T đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh T không đến nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Như H yêu cầu được ly hôn anh Trần Xuân T.

Về con chung: Giao cháu Trần Xuân T1, sinh ngày 11-5-2021 cho chị Nguyễn Thị Như H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Xuân T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 5-2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do anh T thường chơi cờ bạc thiếu nợ, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Qua xác minh tại địa phương nơi chị H và anh T chung sống không thể hiện được giữa chị H và anh T có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần mời anh T đến Tòa trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T đều không đến, chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Trần Xuân T1, sinh ngày 11-5-2021, hiện đang sống chung với chị H. Nay chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1, Hội đồng xét xử xét thấy cháu T1 hiện dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ nên cần giao cháu cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như H về việc yêu cầu ly hôn anh Trần Xuân T.

Chị Nguyễn Thị Như H được ly hôn anh Trần Xuân T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Xuân T1, sinh ngày 11-5-2021 cho chị Nguyễn Thị Như H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Như H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014867 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị H, anh T biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường A T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc